

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **16**/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 01 năm 2024

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Quyết.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Vân.

2. Ông Hà Văn Cương.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quân-Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12 /2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Hồng C, sinh năm 1984, nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, nơi cư trú: Bản A, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 05/10/2023 và bản tự khai ngày 06/10/2023 nguyên đơn chị Phạm Hồng C trình bày:

Chị và anh T qua thời gian tìm hiểu kết hôn với nhau từ ngày 04 tháng 3 năm 2007, trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã

C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Việc kết hôn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung sống tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, hai vợ chồng đã sống ly thân được 15 năm. Chị C thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với anh T được nữa nên chị đề nghị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Nguyễn Phạm Quốc K, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2008. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Nguyễn Văn T hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định, nhưng anh T đều không có mặt để giải quyết việc ly hôn tại Tòa án, do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị C đối với anh. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh T cư trú, kết quả: Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị C và anh T về chung sống với nhau tại bản Trung Dũng (nay là bản Anh Trung), xã Chiềng Cang, huyện Sông Mã, hiện nay anh T vẫn có hộ khẩu cư trú tại đây, tuy nhiên anh T đang đi làm thuê không thường xuyên có mặt ở nhà, hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu quan điểm nội dung vụ án:

Về nội dung vụ án: Chị C và anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 3 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện do UBND xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La cấp giấy đăng ký kết hôn, căn cứ các điều 8,9 luật hôn nhân gia đình về điều kiện đăng ký kết hôn thì đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn Ch của vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung và đang sống ly thân, quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị C và anh T đã trầm trọng, việc nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn cần căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình ly hôn theo yêu cầu một bên. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu đơn xin ly hôn của chị Phạm Hồng C, tuyên xử cho chị Phạm Hồng C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phạm Quốc K, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2008 cho chị Phạm Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên nguyên đơn phải chịu án phí xét xử sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên tài liệu hồ sơ vụ án, kết quả tại biên bản tiến hành hòa giải một bên, các chứng cứ đã thu thập. Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

- Bị đơn Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại Bản A, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La được Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nguyên đơn, chị Phạm Hồng C khởi kiện xin ly hôn bị đơn anh Nguyễn Văn T. Vì vậy, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi chị C có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thụ lý và tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị C xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định, nhưng anh T đều không có mặt nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hồng C kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La năm 2007. Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống chị C và anh T sống không hạnh phúc, trong cuộc sống luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, đã sống ly thân được 15 năm. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn của chị C và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị C

xin ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C xin ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phạm Quốc K, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2008. Chị C có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng; bên cạnh đó, quá trình xác minh tại địa phương cho thấy kể từ khi chị C và anh T ly thân đến nay, việc trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung vẫn do chị C thực hiện đúng như chị C đã trình bày, con chung vẫn được chị C chăm sóc, nuôi dưỡng và cho ăn học đầy đủ. Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Phạm Quốc K đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo mọi quyền lợi, để cháu K có thể phát triển tốt nhất và theo nguyện vọng của cháu cần chấp nhận yêu cầu của chị C, tiếp tục để con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị C. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Không kê khai, không đề nghị giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Hồng C đối với anh Nguyễn Văn T.

- Xử cho chị Phạm Hồng C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Giao con chung là Nguyễn Phạm Quốc K, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2008 cho chị Phạm Hồng C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật. Anh Nguyễn Văn T

không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C, nhưng có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Phạm Hồng C phải nộp án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000706 ngày 06/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện Kiểm sát;
- THADS;
- Các đ-ơng sự;
- UBND xã C.
- L- u hồ sơ;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Quyết

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 19 tháng 01 năm 2024.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Quyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Vân; Ông Hà Văn Cương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Hồng C, sinh năm 1984, nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, nơi cư trú: Bản A, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

I. Về quan hệ pháp luật: Xin ly hôn; Kết quả biểu quyết: 3/3.

II. Về Điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kết quả biểu quyết: 3/3.

1. Xử cho chị Phạm Hồng C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về con chung. Giao con chung là Nguyễn Phạm Quốc K, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2008 cho chị Phạm Hồng C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật. Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung: Không kê khai, không đề nghị giải quyết; Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về nợ chung: Không có; Kết quả biểu quyết 3/3.

5. Về án phí: Chị Phạm Hồng C phải nộp án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000706 ngày 06/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện. Kết quả biểu quyết 3/3.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 15 phút, ngày 19 tháng 01 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Vân

Hà Văn Cương

Lường Văn Quyết